

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1979/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động
của Khu công nghệ cao Đà Nẵng****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Thành lập Khu công nghệ cao Đà Nẵng trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Khu công nghệ cao Đà Nẵng có diện tích 1.010 ha, thuộc huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Khu công nghệ cao Đà Nẵng.**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng:

1. Chỉ đạo việc xây dựng quy hoạch chung Khu công nghệ cao Đà Nẵng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

2. Chỉ đạo việc xây dựng, tổ chức thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu công nghệ cao Đà Nẵng theo quy định của pháp luật;

3. Chỉ đạo việc đầu tư xây dựng và thực hiện quản lý nhà nước đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ

Hoạt động của Khu công nghệ cao Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về hoạt động của Khu công nghệ cao Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là khu công nghệ cao), bao gồm: quản lý nhà nước, đầu tư xây dựng, hoạt động theo chức năng và dịch vụ khu công nghệ cao.

2. Đối tượng áp dụng Quy chế này là tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động công nghệ cao tại khu công nghệ cao.

Điều 2. Mục tiêu

1. Thu hút các nguồn lực công nghệ cao trong nước và nước ngoài, tạo động lực thúc đẩy phát triển công nghệ cao. Gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Thúc đẩy đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của thành phố Đà Nẵng, khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Điều 3. Chức năng

Nghiên cứu, ươm tạo, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm.

Điều 4. Một số yêu cầu về hoạt động trong khu công nghệ cao

1. Yêu cầu về quy hoạch, xây dựng và khai thác cơ sở hạ tầng

a) Trong quy hoạch chung phải dành trên 50% diện tích cho xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao;

b) Xây dựng, khai thác hạ tầng và các công trình trong khu công nghệ cao phải tuân thủ theo quy hoạch và theo đúng mục tiêu của các dự án đầu tư vào khu công nghệ cao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Yêu cầu đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

a) Có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cho việc ươm tạo công nghệ phù hợp với lĩnh vực chuyên ngành, hạ tầng thông tin hiện đại và điều kiện làm việc thuận lợi;

b) Có đội ngũ quản lý chuyên nghiệp và chuyên gia tư vấn cho hoạt động ươm tạo;

c) Có các cam kết và kế hoạch hợp tác với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất phục vụ hoạt động ươm tạo;

d) Có báo cáo nghiên cứu khả thi và kế hoạch kinh doanh;

đ) Có dự án đầu tư xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân được ươm tạo tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao

a) Tổ chức, cá nhân được ươm tạo tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao phải có dự án bảo đảm các tiêu chí do cơ sở ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao quy định;

b) Cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và tổ chức, cá nhân được ươm tạo có trách nhiệm thực hiện đúng các hợp đồng do hai bên ký kết.

Điều 5. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp

Hoạt động sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp trong khu công nghệ cao thuộc các lĩnh vực: sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao; xây dựng, kinh doanh và phát triển hạ tầng; phát triển khu công nghệ cao, dịch vụ khoa học công nghệ, dịch vụ dân sinh, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu bảo thuế, logistic.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghệ cao thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Điều 6. Hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao

1. Hợp tác, liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ thuộc một số chuyên ngành công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển.

2. Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ nhân lực công nghệ cao; xây dựng các chuẩn kỹ năng công nghệ, tổ chức kiểm tra và cấp chứng chỉ theo các chuẩn kỹ năng.

3. Dạy nghề theo nhu cầu phát triển của khu công nghệ cao.

Điều 7. Vốn và chính sách ưu đãi đầu tư

1. Vốn đầu tư cho khu công nghệ cao từ ngân sách địa phương và ngân sách Trung ương hỗ trợ, kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, các nguồn vốn tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đối với các dự án thuộc đối tượng vay vốn theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu và huy động nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Dự án đầu tư vào khu công nghệ cao để thực hiện việc đào tạo, nghiên cứu, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, sản xuất công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định hiện hành.

Điều 8. Quyền hạn của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý) được sử dụng vốn quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này; đầu tư, liên kết đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư để xây dựng từng phần, từng hạng mục cơ sở hạ tầng hoặc một số hạng mục khác trong khu công nghệ cao.

2. Được giao đất một lần để tổ chức xây dựng, phát triển khu công nghệ cao theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được giao đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm đối với tổ chức cá nhân; giao lại đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê hoặc thu tiền thuê đất hàng năm đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê hoặc thu tiền thuê đất hàng năm đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trong khu công nghệ cao theo quy định của Luật Đất đai.

3. Được trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác cho doanh nghiệp khác thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng và các công trình xây dựng.

4. Được mở tài khoản tại kho bạc để thu các khoản thu hồi từ đầu tư ngân sách nhà nước (nếu có), các khoản thu khác để duy tu, bảo dưỡng và đầu tư trở lại cho khu công nghệ cao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Là một đầu mối bố trí kế hoạch ngân sách nhà nước; phê duyệt, chỉ đạo các đơn vị hoạt động trong khu công nghệ cao thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ươm tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ cao.

Điều 9. Nhiệm vụ của Ban Quản lý

1. Xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành

a) Quy hoạch, kế hoạch phát triển hàng năm, 05 năm và dài hạn đối với khu công nghệ cao; kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Kế hoạch đầu tư phát triển và dự toán ngân sách hàng năm (chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên);

c) Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ cao; ưu đãi đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Ban Quản lý;

d) Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn tiếp nhận viện trợ đầu tư phát triển khu công nghệ cao;

đ) Mức thu tiền sử dụng hạ tầng trong khu công nghệ cao;

e) Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác về khu công nghệ cao.

2. Tổ chức, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án trong khu công nghệ cao. Quy định và hướng dẫn thi hành các hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ, các nguyên tắc, quy tắc làm việc của Ban Quản lý.

3. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Là chủ đầu tư các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao quản lý. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá trong nước và nước ngoài để thu hút các nguồn vốn đầu tư vào khu công nghệ cao.

4. Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch:

a) Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch chung trong khu công nghệ cao sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức lập, quản lý, giám sát và thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng;

c) Cấp, điều chỉnh, thu hồi các chứng chỉ quy hoạch xây dựng đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao;

d) Tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng và phát triển khu công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Quản lý, sử dụng đất đai:

a) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc tái định cư, đền bù, giải phóng mặt bằng tại khu công nghệ cao;

b) Tổ chức lập quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất của khu công nghệ cao;

c) Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Thỏa thuận với các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng trong việc định giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tổ chức đấu thầu, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

đ) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư theo quyết định giao đất, cho thuê đất.

6. Quản lý đầu tư, xây dựng và khai thác cơ sở hạ tầng:

a) Quyết định, quản lý các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo thẩm quyền; tiếp nhận và quản lý các dự án ODA, các dự án tài trợ đầu tư vào khu công nghệ cao;

b) Ký các hợp đồng BOT, BTO, BT theo ủy quyền của các cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

c) Có ý kiến chấp thuận đối với thiết kế cơ sở các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao trên cơ sở quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức vận động đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư xây dựng hạ tầng, triển khai đấu thầu theo quy định và hỗ trợ các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng thực hiện đầu tư vào khu công nghệ cao;

đ) Quản lý hồ sơ thiết kế kỹ thuật và biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng hạ tầng trong khu công nghệ cao;

e) Có ý kiến về việc xây dựng các công trình cấp điện, nước, bưu chính viễn thông ngoài địa giới khu công nghệ cao do các doanh nghiệp chuyên ngành thực hiện để phù hợp với quy hoạch và tiến độ xây dựng khu công nghệ cao;

g) Bảo đảm tiến độ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cung cấp các dịch vụ theo đúng các hợp đồng với nhà đầu tư các dự án;

h) Hướng dẫn các nhà đầu tư, các doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh, khai thác, sử dụng cơ sở hạ tầng theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Nhà nước; thỏa thuận mức thu tiền sử dụng, dịch vụ liên quan tới hạ tầng;

i) Trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng và duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư tại khu công nghệ cao.

7. Quản lý các dự án đầu tư:

a) Quyết định các hướng ưu tiên, các hình thức hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, đào tạo, ươm tạo, sản xuất, kinh doanh và dịch

vụ công nghệ cao trên cơ sở Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

b) Thẩm định hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đầu tư trong khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép và chứng chỉ sau đây:

- Giấy chứng nhận đầu tư;

- Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

- Giấy phép xây dựng công trình;

- Giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc trong khu công nghệ cao; sổ lao động cho người lao động Việt Nam làm việc trong khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa, các giấy phép chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật.

d) Kiểm tra và xác nhận bằng văn bản đối với các nội dung đã trình bày trong Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao, đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao nghiên cứu và phát triển công nghệ cao trong khu công nghệ cao gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Quản lý các hoạt động khác

a) Quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững

- Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao theo ủy quyền và theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc quản lý, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường trong khu công nghệ cao; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

b) Quản lý lao động, cư trú và an ninh trật tự.

- Quản lý, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định pháp luật về lao động và cư trú trong khu công nghệ cao theo ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan ban hành quy định bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và thực hiện nếp sống văn hóa trong quá trình xây dựng, quản lý và khai thác các công trình trong khu công nghệ cao.

c) Hợp tác, đầu tư với nước ngoài, đầu tư mạo hiểm và thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao

- Hợp tác, đầu tư với nước ngoài về công nghệ cao thực hiện theo quy định về hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

- Tổ chức các hoạt động đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao; đề xuất thành lập và tạo điều kiện thuận lợi cho các quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao hoạt động;

- Tổ chức và quản lý các hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

d) Quản lý nội bộ

- Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Ban Quản lý theo quy định của pháp luật; sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính tại khu công nghệ cao theo chương trình, kế hoạch cải cách thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

đ) Thanh tra, kiểm tra

Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

9. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành có liên quan, Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư, xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của khu công nghệ cao.

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong Quy chế này, các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giao theo quy định của pháp luật./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng